



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
VIỄN ĐÔNG**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

----- 000 -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hội đồng quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891, đăng ký chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27 tháng 11 năm 2012.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ: 95.699.830.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

Mã chứng khoán niêm yết: SVT.

Trụ sở chính: 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM.

Hoạt động chính của Công ty:

Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại - nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở).

Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hóa; Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỡ đã tinh chế khác. Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Võ Nguyễn Khôi	Chủ tịch - Bổ nhiệm từ ngày 03/05/2012 (Người đại diện theo pháp luật)
Bà	Nguyễn Thị Thu	Chủ tịch - Từ nhiệm từ ngày 03/05/2012
Bà	Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch - Bổ nhiệm từ ngày 03/05/2012

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bà	Nguyễn Thị Việt Anh	Phó Chủ tịch
Ông	Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch - Bổ nhiệm từ ngày 03/05/2012
Ông	Bùi Nam Long	Ủy viên
Ông	Bùi Quang Minh	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Hoài Dung	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Bông	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Bùi Nam Long	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thế Phương	Giám đốc sản xuất
Ông	Võ Văn Hải	Giám đốc kinh doanh
Bà	Mai Thị Trúc Giang	Giám đốc tài chính
Ông	Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển

Kế toán trưởng

Ông	Võ Trần Quốc
-----	--------------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc: ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Cam kết của Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Hội đồng Quản trị



VÕ NGUYỄN KHÔI
Chủ tịch



Số: 06.12.449/AISC-DN6

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 17 tháng 01 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG từ trang 5 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Phan Thị Mỹ Huệ

Số chứng chỉ KTV: 0536/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2013



Trương Diệu Thủy

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		55.904.132.108	68.314.172.367
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.145.979.697	225.789.124
1. Tiền	111		1.145.979.697	225.789.124
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.938.475.629	48.571.181.936
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	41.289.335.286	40.332.256.878
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	56.795.000	6.620.101.285
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	6.592.345.343	1.618.823.773
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	6.629.782.033	19.179.731.750
1. Hàng tồn kho	141		6.629.782.033	19.179.731.750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		189.894.749	337.469.557
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	54.394.749	229.469.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	135.500.000	108.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		75.371.007.253	82.704.501.608
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.686.708.830	24.619.922.324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.244.914.551	2.808.795.665
- Nguyên giá	222		11.616.976.863	11.616.976.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.372.062.312)	(8.808.181.198)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	11.733.329
- Nguyên giá	228		241.351.000	241.351.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(241.351.000)	(229.617.671)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	22.441.794.279	21.799.393.330
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	50.650.652.335	57.996.902.652
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.975.000.000	33.225.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		54.309.011.652	31.502.511.652
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.633.359.317)	(6.730.609.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		33.646.088	87.676.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.646.088	87.676.632
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		131.275.139.361	151.018.673.975

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		20.823.325.102	40.934.079.327
I. Nợ ngắn hạn	310		11.595.123.605	29.609.036.719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	2.900.841.111	6.546.699.022
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	2.161.581.250	15.215.730.182
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	4.112.957.135	3.944.590.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	303.033.359	1.388.630.173
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.16	24.929.380	209.510.052
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	1.797.552.962	1.948.777.182
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		294.228.408	355.099.408
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.228.201.497	11.325.042.608
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	9.228.201.497	11.325.042.608
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

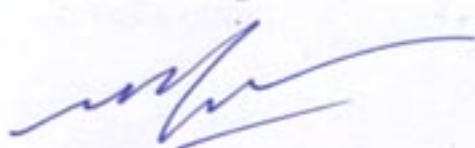
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		110.451.814.259	110.084.594.648
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	110.451.814.259	110.084.594.648
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		95.699.830.000	87.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(146.882.984)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.526.899.032	3.526.899.032
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.824.070.176	1.637.807.534
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.601.015.051	13.266.771.066
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.275.139.361	151.018.673.975

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.01	100,62	100,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tp. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng



VÕ TRẦN QUỐC

Người đại diện theo pháp luật



VÕ NGUYỄN KHÔI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	75.686.968.314	229.248.136.473
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	669.480.950	593.329.647
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.017.487.364	228.654.806.826
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	67.312.538.060	215.782.199.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.704.949.304	12.872.606.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.613.952.460	2.575.774.628
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	4.541.034.822	4.203.949.905
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		322.911.284	434.464.037
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	2.691.812.382	3.882.722.585
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	2.239.004.354	3.753.826.310
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		(152.949.794)	3.607.882.730
11. Thu nhập khác	31	VI.08	488.967.270	969.658.176
12. Chi phí khác	32	VI.09	115.680.849	238.453.346
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		373.286.421	731.204.830
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		220.336.627	4.339.087.560
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	613.834.711
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		220.336.627	3.725.252.849
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	25,10	428

Kế toán trưởng



VÕ TRẦN QUỐC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật



VÕ NGUYỄN KHÔI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	220.336.627	4.339.087.560
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định	02	575.614.443	624.548.087
- Các khoản dự phòng	03	3.902.750.317	3.649.088.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(146.995.400)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.614.424.384)	(2.573.288.283)
- Chi phí lãi vay	06	322.911.284	434.464.037
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	3.407.188.287	6.326.904.001
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	605.206.307	(10.617.124.903)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	12.549.949.717	1.905.430.673
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(13.266.440.103)	2.225.669.508
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	229.105.352	166.760.100
- Tiền lãi vay đã trả	13	(322.911.284)	(406.097.368)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.040.744.100)	(282.859.221)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(60.871.000)	(273.699.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.100.483.176	(955.016.910)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(642.400.949)	(8.955.234.530)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	800.000.000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(1.250.000.000)	(5.008.271.200)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	4.693.500.000	3.045.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	1.613.878.929	578.288.283
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	4.415.523.435	(10.340.217.447)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.265.000.000	17.806.003.568
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.860.703.622)	(7.693.304.040)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.595.703.622)	10.112.699.528
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20 + 30 + 40$)	50	920.302.989	(1.182.534.829)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	225.789.124	1.408.211.537
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(112.416)	112.416
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	1.145.979.697	225.789.124

Kế toán trưởng



VÕ TRẦN QUỐC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật



VÕ NGUYỄN KHÔI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891, đăng ký chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27 tháng 11 năm 2012.

Tên tiếng Anh: SAI GON VIEN DONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: SAVITECH JSC

Trụ sở chính: 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM.

Chi nhánh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông - Chi nhánh Hóc Môn.

Địa chỉ chi nhánh: 3/19 ấp Đình, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn:

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Vốn điều lệ: 95.699.830.000 đồng (Chín mươi lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại - nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở).

Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác. Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.

4. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 69 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2011: 98 nhân viên)**5. Thông tin về các Công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc bao gồm:

Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 40%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ : 2.500.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 35%.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306213397 đăng ký lần thứ 4 ngày 18/10/2012 là: 13.500.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 30%.

Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh

Trụ sở chính: 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301307242 là : 2.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 40%.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty đã áp dụng Thông tư 179, Thông tư 180 và thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư này cho năm hiện hành.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân giá quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>8 - 10 năm</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>2 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>3 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>3 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>8 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>6 năm</i>

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các Công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các Công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại Công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu quản lý và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ là chi phí tiền điện sản xuất, quảng cáo, trích trước tiền thưởng đạt doanh số cho khách hàng và chi phí khác...

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần.

Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho Công ty năm hiện hành như sau: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 25%; Năm 2012 Công ty được hưởng ưu đãi thuế giảm 30% thuế TNDN theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 về một số giải pháp thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh hỗ trợ thị trường.

15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2012: 20.820 VND/USD.

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC để xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng TT179/2012/TT-BTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không đáng kể.

16. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		31/12/2012	01/01/2012
Tiền		1.145.979.697	225.789.124
Tiền mặt		701.347.862	93.338.186
Tiền gửi ngân hàng		444.631.835	132.450.938
Tiền gửi ngân hàng VND		442.538.939	130.359.599
Tiền gửi ngân hàng USD	100,62 USD	2.092.896	2.091.339
Cộng		1.145.979.697	225.789.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2012	01/01/2012
Khách hàng trong nước	41.289.335.286	40.332.256.878
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Kinh Doanh Việt Mỹ	179.000.000	10.200.000
Nguyễn Duy Khánh	121.700.000	117.575.000
Lý Trí Đạo	249.560.000	-
Công ty Cổ phần Mai Lan	-	624.758.811
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Metro Cash và Carry VN	119.858.065	201.311.327
Công ty CP In Khánh Hội	9.544.123.997	-
Công ty CP Văn Hóa Tổng hợp Hưng Phú	2.654.061.803	-
Công nợ nhỏ khác	2.364.409.940	2.190.200.300
Cộng	41.289.335.286	40.332.256.878

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực chiếm 63,12 % trong tổng công nợ phải thu. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 03/01/2013, Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực cam kết sẽ thanh toán 26.056.621.481 đồng trong năm 2013. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng Công ty chắc chắn thu hồi khoản nợ này.

3. Trả trước cho người bán	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực	-	6.465.267.937
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hợp Thành	-	107.500.000
Công nợ khác	56.795.000	47.333.348
Cộng	56.795.000	6.620.101.285

4. Phải thu khác	31/12/2012	01/01/2012
Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	1.798.534.922	1.504.268.076
Cao ốc căn hộ Tân Xuân	30.000.000	30.000.000
Bùi Thị Ngọc Yến (*)	4.693.500.000	-
Phải thu khác	70.310.421	84.555.697
Cộng	6.592.345.343	1.618.823.773

(*) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 26/12/2012 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông quyết định chuyển nhượng 469.350 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực cho Bà Bùi Thị Ngọc Yến với giá trị chuyển nhượng là 4.693.500.000 đồng (10.000 đồng/ cp). Như vậy, tại ngày 31/12/2012 tỷ góp vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực chuyển từ đầu tư công ty liên kết (tỷ lệ 23,97%) thành đầu tư dài hạn khác (tỷ lệ 18,97%) .

5. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên liệu, vật liệu	1.884.747.700	2.141.919.593
Công cụ, dụng cụ	700.906.413	798.706.469
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	194.203.829	146.027.208
Thành phẩm	3.826.810.831	5.644.643.761
Hàng hóa	23.113.260	10.448.434.719
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.629.782.033	19.179.731.750
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	6.629.782.033	19.179.731.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2012	01/01/2012
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí Công cụ dụng cụ	54.394.749	229.469.557
Cộng	54.394.749	229.469.557
7. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng	125.500.000	98.000.000
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000
Cộng	135.500.000	108.000.000

8. Tài sản cố định hữu hình: Xem phụ lục 1 - trang 34

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
01/01/2012	25.600.000	215.751.000	241.351.000
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
31/12/2012	25.600.000	215.751.000	241.351.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2012	13.866.671	215.751.000	229.617.671
Tăng	11.733.329	-	11.733.329
31/12/2012	25.600.000	215.751.000	241.351.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	11.733.329	-	11.733.329
Số dư cuối kỳ	-	-	-

(*) *Ghi chú:*

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 241.351.000 VND.

	31/12/2012	01/01/2012
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án		
Siêu thị sách MetroBooks - Thẻ giới tuổi thơ tình Hậu Giang	-	2.682.036
Công trình Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ (*)	22.441.794.279	21.796.711.294
Cộng	22.441.794.279	21.799.393.330

(*) Công ty hiện đang thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mở rộng công trình Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ tại 252 Lạc Long Quân, Quận 11, TP. HCM với diện tích xây dựng trên 4.000 mét vuông. Tổng trị giá công trình này sau khi hoàn thành sẽ được kiểm toán "Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành" - Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000.

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Xem phụ lục 2, 3 - trang 35, 36

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.700.000.000	4.945.857.911
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh 12 - Tp. HCM	-	4.945.857.911
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - VND (*)	2.700.000.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	1.600.841.111
Bà Nguyễn Thị Lương	-	550.000.000
Ông Nguyễn Đức Hậu	-	700.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy	-	150.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	200.841.111	200.841.111
Bộ Tài chính	200.841.111	200.841.111
Cộng	2.900.841.111	6.546.699.022

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

(*) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN gồm có hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
186AVL12-HS	01/06/2012	01/06/2013	Theo từng lần vay	Đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3

13. Phải trả người bán	31/12/2012	01/01/2012
Nhà cung cấp trong nước		
Công ty CP TM Toàn Lực	789.492.164	-
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Kim Anh	452.596.845	628.168.417
Công ty TNHH Đăng Cơ Vương	637.605.999	-
Công ty CP ĐT PT TM Viễn Đông	-	9.960.637.307
CN Bình Dương - Công ty CP ĐT PT TM Viễn Đông	-	2.079.688.610
Khác	281.886.242	2.547.235.848
Cộng	2.161.581.250	15.215.730.182

Trong đó phải thu các bên liên quan:

Công ty CP TM Toàn Lực	789.492.164	-
------------------------	-------------	---

14. Người mua trả tiền trước	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Mai Lan	875.588.650	-
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	3.237.368.485	456.092.000
Công ty CP ĐT PT TM Viễn Đông	-	3.407.400.000
Khác	-	81.098.700
Cộng	4.112.957.135	3.944.590.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2012	01/01/2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.040.744.100
Thuế giá trị gia tăng	278.877.460	314.637.612
Thuế thu nhập cá nhân	24.155.899	33.248.461
Cộng	303.033.359	1.388.630.173
16. Chi phí phải trả	31/12/2012	01/01/2012
Tiền điện sản xuất	24.929.380	32.903.052
Trợ cấp thôi việc	-	37.107.000
Thù lao HDQT	-	139.500.000
Cộng	24.929.380	209.510.052
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	37.188.460	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	10.112.680
Phải trả về Cổ phần hóa	4.664.502	4.664.502
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	771.700.000	950.000.000
Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ	974.000.000	974.000.000
Sầm Thái Sơn	10.000.000	10.000.000
Cộng	1.797.552.962	1.948.777.182
18. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
Vay dài hạn	9.027.360.385	10.923.360.385
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh 12 - Tp. HCM	9.027.360.385	10.923.360.385
Nợ dài hạn	200.841.112	401.682.223
Bộ Tài chính (**)	200.841.112	401.682.223
Cộng	9.228.201.497	11.325.042.608

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh 12 - Tp. HCM như sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
151/HĐTD (*)	07/08/2010	07/08/2017	Theo từng lần vay	Đảm bảo bằng tài sản hình thành bằng vốn vay trong tương lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ghi chú:

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 12 TP. HCM theo hợp đồng tín dụng số 151/HĐTD ngày 7/8/2010. Hạn mức vay: 31.500.000.000 đồng. Mục đích: vay đầu tư cho dự án xây dựng và mở rộng Trường THCS Việt Mỹ; Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ và cộng biên độ tối thiểu 3,8%/ năm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay. Theo quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 02/07/2010 của UBND Tp. HCM thì Công ty được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh từ việc đầu tư xây dựng mở rộng Trường Việt Mỹ. Theo giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số 02/TT VĐT - SGVĐ ngày 11/01/2013, Kho Bạc Nhà Nước đã duyệt chi khoản cấp bù lãi vay (từ ngày 27/12/2011 đến ngày 25/12/2012) là 1.375.133.000 đồng.

(**) Khoản nợ dài hạn của Bộ Tài chính căn cứ vào công văn số 13237 - TC/TCĐN về việc thu hồi mặt bằng. Khoản vay tín chấp và không tính lãi vay. Mục đích vay: đầu tư, xây dựng dây chuyền sản xuất, lắp ráp lốp xe. Thời hạn thanh toán: 10 năm kể từ năm 2006, trong đó thời gian ân hạn là 2 năm. Khoản nợ sẽ được thanh toán hết vào năm 2014. Khoản tiền phải trả hàng năm cho Bộ Tài chính là: 200.841.111 đồng.

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem phụ lục 4 - trang 37

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2012	01/01/2012
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	33,27%	31.840.070.000	28.945.520.000
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	7,40%	7.085.100.000	6.441.000.000
Các cổ đông khác	59,33%	56.774.660.000	51.613.480.000
Cộng	100%	95.699.830.000	87.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.699.830.000	87.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	87.000.000.000	87.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	8.699.830.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	95.699.830.000	87.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.699.830.000	-

d. Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.983	8.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.983	8.700.000
Cổ phiếu phổ thông	9.569.983	8.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.983	8.700.000
Cổ phiếu phổ thông	9.569.983	8.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2012	01/01/2012
Quỹ Đầu tư phát triển	3.526.899.032	3.526.899.032
Quỹ dự phòng tài chính	1.824.070.176	1.637.807.534
Cộng	5.350.969.208	5.164.706.566

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa	49.323.840.038	198.471.154.579
Doanh thu bán thành phẩm	25.293.444.644	29.075.163.715
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.069.683.632	1.701.818.179
Cộng	75.686.968.314	229.248.136.473
 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	 Năm 2012	 Năm 2011
Chiết khấu thương mại	452.805.526	558.184.127
Hàng bán bị trả lại	216.675.424	35.145.520
Cộng	669.480.950	593.329.647
 3. Giá vốn hàng bán	 Năm 2012	 Năm 2011
Giá vốn hàng hóa đã bán	48.379.462.296	193.916.991.980
Giá vốn thành phẩm đã bán	18.351.257.583	20.163.389.762
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	581.818.181	1.701.818.182
Cộng	67.312.538.060	215.782.199.924
 4. Doanh thu hoạt động tài chính	 Năm 2012	 Năm 2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.878.929	18.288.283
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.605.000.000	560.000.000
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	-	1.995.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.398.360
Doanh thu hoạt động tài chính khác	73.531	87.985
Cộng	1.613.952.460	2.575.774.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí tài chính	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền vay	322.911.284	434.464.037
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	298.149.278	27.038.700
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.902.750.317	3.649.088.000
Chi phí tài chính khác	17.223.943	93.359.168
Cộng	4.541.034.822	4.203.949.905
6. Chi phí bán hàng	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	951.861.301	1.132.252.551
Chi phí vật liệu, bao bì	28.562.153	21.658.078
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.493.496	29.256.765
Chi phí bảo hành	10.123.640	1.481.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.882.978	1.477.844.809
Chi phí bằng tiền khác	1.386.888.814	1.220.229.138
Cộng	2.691.812.382	3.882.722.585
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	1.221.183.410	1.719.512.552
Chi phí vật liệu, bao bì	21.133.066	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.352.816	92.578.197
Chi phí khấu hao TSCĐ	170.342.452	68.561.032
Thuế, phí, lệ phí	10.762.000	19.347.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	697.619.777
Chi phí bằng tiền khác	731.230.610	1.156.207.252
Cộng	2.239.004.354	3.753.826.310
8. Thu nhập khác	Năm 2012	Năm 2011
Thu thanh lý máy móc, thiết bị	545.455	545.455
Thu phí hỗ trợ di dời	488.421.815	969.112.721
Cộng	488.967.270	969.658.176
9. Chi phí khác	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí khấu hao nhà xưởng	114.597.504	238.453.346
Tiền phạt	1.083.345	-
Cộng	115.680.849	238.453.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành	Năm 2012	Năm 2011
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	220.336.627	4.339.087.560
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(1.600.051.212)	(435.939.280)
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.948.788	124.060.720
Chi phí không hợp lệ	4.948.788	22.060.720
Thù lao HĐQT	-	102.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.605.000.000)	(560.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.605.000.000)	(560.000.000)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	(1.379.714.585)	3.903.148.280
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	-	4.826.031.450
Thu nhập khác	-	(922.883.170)
4. Thuế TNDN được giảm 30%	-	361.952.359
5. Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	613.834.711
11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	11.615.771.029	17.178.259.466
Chi phí nhân công	3.204.054.844	4.213.291.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.447.662	275.476.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	23.900.000
Chi phí khác bằng tiền	1.416.578.328	1.433.382.307
Cộng	16.489.851.863	23.124.310.128
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	220.336.627	3.725.252.849
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	220.336.627	3.725.252.849
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.778.656	8.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25,10	428

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VND	(200)	211.627.614
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
VND	(300)	469.302.875

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 1.539.459.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.700 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 153.945.900 đồng. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 153.945.900 đồng.

13.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, là tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, quy định chính sách khách hàng ứng trước tiền hàng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng tại ngày lập báo cáo, Công ty duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

VND

Quá hạn nhưng không bị suy giảm

Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	> 181 ngày
31 tháng 12 năm 2012	19.926.213.805	-	-	26.056.621.481
31 tháng 12 năm 2011	-	939.437.738	2.204.607.700	37.188.211.440

13.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

31 tháng 12 năm 2012	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	2.900.841.111	9.228.201.497	-	12.129.042.608
Phải trả người bán	2.161.581.250	-	-	2.161.581.250
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	-	1.745.700.000	-	1.745.700.000
	5.062.422.361	10.973.901.497	-	16.036.323.858
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay và nợ	6.546.699.022	11.325.042.608	-	17.871.741.630
Phải trả người bán	15.215.730.182	-	-	15.215.730.182
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	1.944.112.680	4.664.502	-	1.948.777.182
	23.706.541.884	11.329.707.110	-	35.036.248.994

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng Tài sản hình thành trong tương lai là "Xây dựng mở rộng công trình Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ" tại 252 Lạc Long Quân, Quận 11, Tp. HCM làm tài sản thế chấp cho khoản "Vay và nợ dài hạn" - Thuyết minh số V.18.

Công ty đang sử dụng tài sản đảm bảo của bên thứ ba là QSDĐ và Tài sản gắn liền tại 39/39 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú là tài sản thế chấp cho khoản "Vay và nợ ngắn hạn" - Thuyết minh số V.12.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: xem trang 38.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:	Tỷ lệ góp vốn	Mối quan hệ
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	10,00%	Đầu tư dài hạn
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	35,00%	Công ty liên kết
Trường THCS Việt Mỹ	40,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	18,97%	Đầu tư dài hạn
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Giấy Toàn Lực	17,66%	Đầu tư dài hạn - cổ đồng có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	2,23%	Đầu tư dài hạn
Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh	40,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Chè Cà phê Di Linh	0,91%	Đầu tư dài hạn
Công ty CP In Khánh Hội	12,50%	Đầu tư dài hạn

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	Đầu tư dài hạn	Phí hỗ trợ đi dờn ổn định và phí khai thác sử dụng mặt bằng	65.454.540	-
		Phải thu phí hỗ trợ đi dờn ổn định và phí khai thác sử dụng mặt bằng	72.000.000	26.728.800
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	Công ty liên kết	Phí hỗ trợ đi dờn ổn định và phí khai thác sử dụng mặt bằng	910.832.727	-
		Phải thu (+)/ ứng trước (-) phí hỗ trợ đi dờn ổn định và phí khai thác sử dụng mặt bằng	1.001.916.000	(3.237.368.485)
		Phải trả tiền mượn	126.700.000	771.700.000
		Thu cổ tức năm 2011	525.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ	Công ty liên kết	Thu cổ tức năm 2011 và đợt 1 năm 2012	1.080.000.000	-
		Phải trả tiền mượn	-	974.000.000
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	Đầu tư dài hạn	Bán hàng hóa trong năm	18.042.166.593	-
		Cho thuê kho	581.818.180	-
		Phải thu tiền bán hàng, dịch vụ trong năm	20.331.410.041	26.056.621.481
		Mua hàng hóa trong năm	29.771.153.656	-
		Phải trả tiền hàng	32.624.460.101	789.492.164
		Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	9.000.000.000	-
		Giảm đầu tư cổ phiếu Toàn Lực	4.693.500.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	Đầu tư dài hạn	Bán hàng hóa trong năm	17.168.376.593	-
		Phải thu tiền bán hàng trong năm	18.885.214.252	-
		Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	955.372.147	-
		Mua hàng hóa trong năm	3.802.501.891	-
		Phải trả tiền hàng,	4.155.346.230	-
		Phải trả phí thuê kho CN Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	920.000.000	-
Công ty CP Cà Phê Di Linh	Đầu tư dài hạn	Phải thu do chi tiền mượn	200.000.000	-
		Phải trả tiền hàng	-	16.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Công ty CP In Khánh Hội	Đầu tư dài hạn	Bán hàng hóa trong năm	8.676.476.361	-
		Phải thu tiền bán hàng trong năm	9.544.123.997	9.544.123.997
Công ty CP Giấy Toàn Lực	Đầu tư dài hạn - cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	179.298.488	-
		Mua hàng hóa trong năm	162.998.626	-
Công ty CP ĐT PT GD Hoàng Việt	Công ty liên kết	Chi góp vốn	450.000.000	-
Trường Trung học phổ thông Việt Mỹ Anh	Công ty liên kết	Chi góp vốn	800.000.000	-

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: xem trang 39, 40.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Kế toán trưởng



VÕ TRẦN QUỐC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật



 VÕ NGUYÊN KHÔI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHỤ LỤC I**V.8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
01/01/2012	4.434.049.288	5.365.980.203	502.514.450	199.096.298	1.115.336.624	11.616.976.863
31/12/2012	4.434.049.288	5.365.980.203	502.514.450	199.096.298	1.115.336.624	11.616.976.863
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2012	2.862.192.690	4.884.906.618	326.184.472	147.049.565	587.847.853	8.808.181.198
Khấu hao trong kỳ	265.373.212	140.808.990	25.493.496	19.566.744	112.638.672	563.881.114
31/12/2012	3.127.565.902	5.025.715.608	351.677.968	166.616.309	700.486.525	9.372.062.312
Giá trị còn lại						
01/01/2012	1.571.856.598	481.073.585	176.329.978	52.046.733	527.488.771	2.808.795.665
31/12/2012	1.306.483.386	340.264.595	150.836.482	32.479.989	414.850.099	2.244.914.551

(*) Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.336.813.411 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHULUC 2**V.11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên Công ty liên kết

Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông

Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ (*)

Trường tiểu học Dân lập Việt Mỹ

Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt

Công ty Cổ Phần Thương Mại Toàn Lực

Trường Việt Mỹ Anh

Cộng

Ghi chú:31/12/201201/01/2012Tỷ lệ góp vốn theo
Giấy phép ĐKKD

Số lượng CP

Giá trị

Số lượng CP

Giá trị

5.000.000.000

800.000.000

875.000.000

875.000.000

4.050.000.000

22.500.000.000

33.225.000.000

(*) Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 04/07/2009 về việc góp vốn thành lập Trường THCS Việt Mỹ, sau khi bàn bạc thảo luận các thành viên HĐQT thống nhất tỷ lệ góp vốn là 40%, tương ứng 4.000.000.000 đồng. Tính đến 31/12/2012, vốn thực góp của Công ty tại Trường THCS Việt Mỹ là 800.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHỤ LỤC 3**V.11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Đầu tư dài hạn khác

	Tỷ lệ góp vốn theo	31/12/2012		01/01/2012	
		Số lượng CP	Giá trị	Số lượng CP	Giá trị
Công ty Cổ Phần Đầu tư PT Thương mại Viễn Đông	2,23%	570.170	9.011.289.000	570.170	9.011.289.000
Công ty Cổ Phần Chè Minh Rồng	1,79%	24.300	1.215.000.000	24.300	1.215.000.000
Công ty Cổ Phần Chè Cà Phê Di Linh	0,91%	20.000	600.432.652	20.000	600.432.652
Công ty Cổ Phần Giấy Toàn Lực	17,66%	1.695.000	16.950.000.000	1.695.000	16.950.000.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Toàn Lực	18,97%	1.780.650	17.806.500.000	-	-
Công ty Cổ Phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	4,95%	222.579	2.225.790.000	222.579	2.225.790.000
Công ty Cổ Phần In Khánh Hội	12,50%	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông (*)	10,00%	500.000	5.000.000.000	-	-
Cộng		4.962.699	54.309.011.652	2.682.049	31.502.511.652
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)		-	(7.471.830.000)	-	(6.730.609.000)
Công ty Cổ Phần Đầu tư PT Thương mại Viễn Đông		-	(40.657.836)	-	-
Công ty Cổ Phần Chè Cà Phê Di Linh (**)		-	(247.883.298)	-	-
Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông (**)		-	(921.795.311)	-	-
Công ty Cổ Phần In Khánh Hội (**)		-	(1.951.192.872)	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (**)		-	(10.633.359.317)	-	(6.730.609.000)
Tổng cộng			(10.633.359.317)		(6.730.609.000)

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305072778 của Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông chứng nhận lần đầu ngày 5/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/8/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông vào Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông là 20.000.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ vốn góp là 40%. Tính đến 31/12/2012, vốn thực góp của Công ty tại Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông là 5.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ vốn góp 10%, 30% còn lại Công ty đã chuyển quyền mua cho cổ đông khác.

(**) Khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập theo TT228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009; Theo đó, các khoản góp vốn đầu tư và vốn chủ sở hữu được lập theo Báo cáo tài chính năm 2011 của các Công ty trên, các Báo cáo tài chính này chưa được kiểm toán.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	87.000.000.000	4.800.000.000	-	3.526.899.032	1.130.279.969	10.150.551.295	106.607.730.296
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	3.725.252.849	3.725.252.849
Trích lập quỹ từ LN năm 2010	-	-	-	-	507.527.565	(507.527.565)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ	-	-	(146.882.984)	-	-	-	(146.882.984)
Trích lập quỹ KT - PL	-	-	-	-	-	(101.505.513)	(101.505.513)
Số dư cuối kỳ trước	87.000.000.000	4.800.000.000	(146.882.984)	3.526.899.032	1.637.807.534	13.266.771.066	110.084.594.648
Số dư đầu kỳ này	87.000.000.000	4.800.000.000	(146.882.984)	3.526.899.032	1.637.807.534	13.266.771.066	110.084.594.648
Tăng vốn	8.699.830.000	-	-	-	-	-	8.699.830.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	220.336.627	220.336.627
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	146.882.984	-	-	-	146.882.984
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	186.262.642	(186.262.642)	-
Trích cổ tức 10% từ LN 2011	-	-	-	-	-	(8.699.830.000)	(8.699.830.000)
Số dư cuối kỳ này	95.699.830.000	4.800.000.000	-	3.526.899.032	1.824.070.176	4.601.015.051	110.451.814.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	Dự phòng	Giá trị	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản tài chính					
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	54.309.011.652	(10.633.359.317)	31.502.511.652	(6.730.609.000)	43.675.652.335
- Phải thu khách hàng	41.289.335.286	-	40.332.256.878	-	41.289.335.286
- Phải thu khác	4.693.500.000	-	1.618.823.773	-	4.693.500.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.145.979.697	-	225.789.124	-	1.145.979.697
- Tài sản tài chính khác	10.000.000	-	10.000.000	-	10.000.000
TỔNG CỘNG	101.447.826.635	(10.633.359.317)	73.689.381.427	(6.730.609.000)	90.814.467.318
Nợ phải trả tài chính					
- Vay và nợ	12.129.042.608	-	17.871.741.630	-	17.871.741.630
- Phải trả người bán	2.161.581.250	-	15.215.730.182	-	15.215.730.182
- Phải trả khác	1.745.700.000	-	1.934.000.000	-	1.934.000.000
TỔNG CỘNG	16.036.323.858	-	35.021.471.812	-	35.021.471.812

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản để cấp ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII.3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhiệm vụ công tác quản lý, Công ty có kinh doanh thương mại nhiều nhóm sản phẩm nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý không có vị đơn vị chi kinh doanh trong nước.

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiêu	Kinh doanh giấy thương mại	Sản xuất thiết bị phụ tùng xe máy, xe đạp	Thuê kho, mặt bằng	Doanh thu khác (Vật tư, nguyên liệu)	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	49.279.817.468	23.420.946.146	1.069.683.632	1.247.040.118	75.017.487.364
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	49.279.817.468	23.420.946.146	1.069.683.632	1.247.040.118	75.017.487.364
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	-	-	-	-	-
2. Doanh thu tài chính	-	-	-	-	1.613.952.460
3. Chi phí	48.746.916.882	22.552.789.369	828.765.200	114.883.345	72.243.354.796
- Giá vốn	48.375.916.000	18.239.920.535	581.818.180	114.883.345	67.312.538.060
- Chi phí phân bổ	359.267.553	3.978.182.728	132.349.516	-	4.469.799.797
- Chi phí khấu hao	11.733.329	334.686.106	114.597.504	-	461.016.939
- Chi phí tài chính	-	-	-	-	4.541.034.822
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	532.900.586	868.156.777	240.918.432	1.132.156.773	(152.949.794)
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-
6. Tài sản bộ phận	34.878.807.281	10.645.855.684	4.804.712.186	232.100.000	50.561.475.151

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Kinh doanh giấy thương mại	Sản xuất thiết bị phụ tùng xe máy, xe đạp	Thuê kho, mặt bằng	Doanh thu khác (Vật tư, nguyên liệu)	Tổng cộng
7. Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản	34.878.807.281	10.645.855.684	4.804.712.186	232.100.000	80.713.664.210
8. Nợ phải trả bộ phận	3.489.492.164	2.036.399.397	9.027.360.385	-	131.275.139.361
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	14.553.251.946
Tổng nợ phải trả	3.489.492.164	2.036.399.397	9.027.360.385	-	6.270.073.156
					20.823.325.102